

**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN VÀ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH  
DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 55/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2012  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. THÀNH PHỐ KON TUM:**

ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                 | Đơn giá |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Bảng giá đất ven trục giao thông chính</b>                         |         |
| <b>I</b>   | <b>QUỐC LỘ 14</b>                                                     |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Hoà Bình</b>                                                    |         |
| -          | Ranh giới Phường Trần Hưng Đạo - Đất dòng tu thôn 2                   | 550     |
| -          | Từ đất dòng tu thôn 2- Cổng nước thôn 2                               | 650     |
| -          | Cổng nước Thôn 2 - Đường vào mỏ đá Sao Mai                            | 600     |
| -          | Đường vào mỏ đá Sao Mai - Hết ranh giới xã Hoà Bình                   | 400     |
| <b>2</b>   | <b>Xã Vinh Quang</b>                                                  |         |
| -          | Ranh giới Phường Ngô Mỹ - Suối Đăk Láp                                | 1.450   |
| -          | Suối Đăk Láp - Hết đất nhà ông Hà Kim Long                            | 1.200   |
| -          | Hết đất ông Hà Kim Long đến Cổng chính nghĩa trang TP Kon Tum         | 350     |
| -          | Từ Cổng chính nghĩa trang TP Kon Tum đến hết ranh giới xã Vinh Quang. | 300     |
| <b>II</b>  | <b>QUỐC LỘ 14B</b>                                                    |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Hoà Bình</b>                                                    |         |
| -          | Đoạn từ giáp Phường Trần Hưng Đạo - Ngã ba đập Đăk Yên                | 120     |
| -          | Đoạn từ Ngã ba đập Đăk Yên - Ngã ba đi thôn Plei Cho và Thôn 5        | 100     |
| -          | Đoạn đường Thôn PleiCho và Thôn 5                                     | 60      |
| <b>2</b>   | <b>Xã Ia Chim</b>                                                     | 60      |
| <b>III</b> | <b>QUỐC LỘ 24</b>                                                     |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Đăk Blà</b>                                                     |         |
| -          | Ranh giới Phường Trường Chinh - Cầu Đăk ChRi                          | 200     |
| -          | Đăk ChRi - Cầu Đăk Mơ Năng                                            | 150     |
| -          | Cầu Đăk Mơ Năng - Hết ranh giới xã Đăk Blà                            | 70      |
| <b>IV</b>  | <b>TỈNH LỘ 675</b>                                                    |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Vinh Quang</b>                                                  |         |
| -          | Từ cầu số 1 - Cầu số 2                                                | 530     |
| <b>2</b>   | <b>Xã Ngọc Bay</b>                                                    |         |
| -          | Ranh giới xã Vinh Quang - Ranh giới xã Kroong                         | 300     |
| <b>3</b>   | <b>Xã Kroong</b>                                                      |         |
| -          | Ranh giới xã Ngọc Bay - Trạm y tế công trình thủy điện                | 220     |

|          |                                                                                                  |       |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| -        | Trạm y tế công trình thủy điện - Hết ranh giới xã Kroong                                         | 200   |
| -        | Đường vào các khu công nhân công trình thủy điện Plei Krông                                      | 180   |
| <b>V</b> | <b>TỈNH LỘ 671</b>                                                                               |       |
| <b>1</b> | <b>Xã Đoàn Kết</b>                                                                               |       |
| -        | Cầu Đắk Tía - Cầu sắt trại giống                                                                 | 300   |
| -        | Cầu sắt trại giống - Hết ranh giới xã Đoàn Kết và xã YaChim                                      | 220   |
| <b>2</b> | <b>Xã Ia Chim</b>                                                                                |       |
| -        | Từ ranh giới xã Đoàn Kết - Cây xăng xã Ya Chim                                                   | 350   |
| -        | Từ cây xăng xã Ya Chim - Quán cà phê Hoa Tím                                                     | 400   |
| -        | Từ Quán cà phê Hoa Tím - Trụ sở Nông trường Cao su Ia Chim                                       | 450   |
| -        | Từ Trụ sở Nông trường Cao su Ia Chim - Hội trường thôn Nghĩa An                                  | 350   |
| -        | Hội trường thôn Nghĩa An - Ngã 3 KLâuLah                                                         | 300   |
| <b>3</b> | <b>Xã Chư Hreng</b>                                                                              |       |
| -        | Từ ranh giới P. Lê Lợi và X. Chư Hreng - Ngã ba đường vào Làng PleiGroi (đường đi UBND P Lê Lợi) | 300   |
| -        | Từ Ngã ba đường vào Làng PleiGroi - UBND xã Chư Hreng                                            | 200   |
| -        | Từ UBND xã Chư Hreng - Suối Đắk Lái                                                              | 150   |
| -        | Từ Suối Đắk Lái - Giáp ranh giới xã Đắk RơWa                                                     | 100   |
| <b>4</b> | <b>Xã Đắk RơWa</b>                                                                               |       |
| -        | Từ Cầu treo KonKlo - Ngã 3 Trạm y tế xã                                                          | 200   |
| <b>5</b> | <b>Xa Đắk cãm</b>                                                                                |       |
| -        | Từ ranh giới xã Đắk Cãm và P. Duy Tân - Đường vào kho đạn                                        | 1.000 |
| -        | Từ đường vào kho đạn - Trụ sở UBND xã Đắk Cãm                                                    | 600   |
| <b>B</b> | <b>Giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn</b>                                                  |       |
| <b>1</b> | <b>Xã Kroong</b>                                                                                 |       |
| -        | Đường đất hai bên song song với tỉnh lộ 675                                                      | 70    |
| -        | Các khu dân cư còn lại                                                                           | 65    |
| <b>2</b> | <b>Xã Ngọc Bay</b>                                                                               |       |
| -        | Toàn bộ khu dân cư nông thôn                                                                     | 60    |
| <b>3</b> | <b>Xã Đoàn Kết</b>                                                                               |       |
| -        | Thôn 5 , 6 , 7                                                                                   | 70    |
| -        | Các khu dân cư còn lại                                                                           | 65    |
| <b>4</b> | <b>Xã Đắk Cãm</b>                                                                                |       |
| -        | Tuyến 2 (từ ranh giới P. Trường Chinh - Đường vào kho đạn)                                       | 200   |
| -        | Tuyến 2 (từ đường vào kho đạn - đến giáp thôn 3, thôn 8)                                         | 200   |
| -        | Thôn 1,2,6,8                                                                                     | 100   |
| -        | Thôn 3,4                                                                                         | 90    |
| -        | Thôn 9:                                                                                          |       |
| -        | Từ ngã tư đường vào kho đạn - Đến giáp xã Đắk Bla                                                | 120   |
| -        | Các đoạn đường còn lại thuộc khu vực thôn 9                                                      | 100   |
| -        | Đường đi xã Ngọc Réo (từ trụ sở UBND xã đến đồng ruộng)                                          | 200   |
| -        | Đường quy hoạch số 4 khu nhà máy bia cũ                                                          | 1.700 |
| -        | Các khu dân cư còn lại                                                                           |       |
| -        | Thôn 5                                                                                           | 60    |

|            |                                                                                                                                            |     |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| -          | Thôn 7                                                                                                                                     | 60  |
| <b>5</b>   | <b>Xã Chư Hreng</b>                                                                                                                        | 60  |
| -          | Toàn bộ khu dân cư nông thôn                                                                                                               | 55  |
| <b>6</b>   | <b>Xã Đăk Rơ Wa</b>                                                                                                                        |     |
| -          | Ngã ba trạm y tế - Trụ sở UBND xã                                                                                                          | 120 |
| -          | Ngã ba trạm y tế - Thôn Kon Tum KPong 2 (điểm trường thôn)                                                                                 | 100 |
| -          | Từ điểm trường thôn Kon Tum KPong 2 - Hết thôn Kon Tum KNâm 2                                                                              | 70  |
| -          | Từ ngã 3 Trạm y tế xã - Suối Đăk RoWa                                                                                                      | 120 |
| -          | Suối Đăk RơWa - Thôn Kon JoRi và Thôn Kon KTư                                                                                              | 80  |
| -          | Từ trụ sở UBND xã - Nghĩa địa thôn Kon Tum KNâm 2                                                                                          | 70  |
| -          | Các khu dân cư còn lại                                                                                                                     | 60  |
| <b>7</b>   | <b>Xã Đăk BLà</b>                                                                                                                          |     |
| -          | Thôn Tập đoàn 1                                                                                                                            | 55  |
| -          | Thôn KonTư I, KonTư II,                                                                                                                    | 60  |
| -          | Các khu dân cư còn lại                                                                                                                     | 60  |
| <b>8</b>   | <b>Xã Vinh Quang</b>                                                                                                                       |     |
| <b>8.1</b> | <b>Đường từ Làng Plei Đôn đi Trung tâm xã Ngọc Bay (tỉnh lộ 666 cũ)</b>                                                                    |     |
| -          | Từ Cầu Loh Rê đến Cầu Đăk Cầm                                                                                                              | 275 |
| <b>8.2</b> | <b>Đường vào thôn Plei Trum Đăk Choah</b>                                                                                                  |     |
| -          | Từ Cổng chào thôn Plei Trum Đăk Choah đến cầu tràn                                                                                         | 80  |
| -          | Từ cầu tràn đến khu dân cư thôn Plei Trum Đăk Choah                                                                                        | 60  |
| -          | Các khu dân cư còn lại                                                                                                                     | 60  |
| <b>9</b>   | <b>Xã IaChim</b>                                                                                                                           |     |
| -          | Thôn Nghĩa An                                                                                                                              | 200 |
| -          | Thôn Tân An:                                                                                                                               |     |
| -          | Khu vực trung tâm (từ ngã ba thôn Tân An - tỉnh lộ 671) đến quán Sáng, Bích và từ ngã ba nhà Ông Thủy đến đường đất rẽ vào nhà ông Phạm Tư | 120 |
| -          | Từ Đường đất rẽ vào nhà ông Phạm Tư - Lô Cao su                                                                                            | 120 |
| -          | Từ Quán Sáng, Bích - Đường rẽ vào Khu tập thể chế biến của Công ty Cao su                                                                  | 200 |
| -          | Các khu còn lại thôn Tân An                                                                                                                | 70  |
| -          | Thôn PleiSar (từ đoạn Tỉnh lộ 671 đi qua)                                                                                                  |     |
| -          | Từ ngã ba xã Ya Chim đi xã Đăk Năng                                                                                                        | 120 |
| -          | Các khu còn lại trong thôn                                                                                                                 | 70  |
| -          | Các khu dân cư còn lại trong xã                                                                                                            | 60  |
| <b>10</b>  | <b>Xã Đăk Năng</b>                                                                                                                         |     |
| -          | Thôn Gia Hội                                                                                                                               | 65  |
| -          | Thôn Ngô Thanh, Gia Kim                                                                                                                    | 55  |
| -          | Thôn Plei Drốp                                                                                                                             | 55  |
| -          | Thôn Plei Rơ Wăk                                                                                                                           | 60  |
| <b>11</b>  | <b>Xã Hoà Bình</b>                                                                                                                         |     |
| -          | Đường vào UBND xã Hoà Bình                                                                                                                 | 85  |

|   |                                                                 |     |
|---|-----------------------------------------------------------------|-----|
| - | Đường số 1 (từ ngã 3 thôn 4, thôn 2 đến trường Nguyễn Văn Trỗi) | 150 |
| - | Đường số 2                                                      | 85  |
| - | Đường số 3                                                      | 80  |
| - | Thôn 1, 2, 3, 4.                                                | 55  |
| - | Các khu dân cư còn lại                                          | 55  |

**C. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Giá đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên 2013 thống nhất là: 60.000 đồng/m<sup>2</sup>

2. Giá đất cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản là: 40.000 đồng/m<sup>2</sup>

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

4. Giá đất tại khu công nghiệp Sao Mai là: 100.000 đ/m<sup>2</sup>.

\* Ghi chú: Giá đất trên tính cho toàn bộ lô đất.

**D. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn:**

Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 36.000 đ/m<sup>2</sup>.

## II. HUYỆN ĐẮK HÀ:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| TT         | Tên đơn vị hành chính                                                                                              | Đơn giá |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Bảng giá đất khu dân cư nông thôn, các vùng ven đô thị và trực đầu mỗi giao thông chính trên địa bàn các xã</b> |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Hà Mòn:</b>                                                                                                  |         |
| -          | Đoạn từ giáp ranh đất thị trấn phía nam đến trụ sở Trạm Khuyến nông (đường Hùng Vương kéo dài)                     | 882     |
| -          | Đoạn từ đất Trạm Khuyến nông đến hết đất Nhà Văn hóa thôn 5 - Hà Mòn.                                              | 600     |
| -          | Đoạn từ hết đất nhà văn hóa thôn 5 đến giáp ranh giới xã Đăk La.                                                   | 378     |
| -          | Đoạn từ sau phần đất nhà bà Liên (Trạm) đến hết đất nhà ông Hoàng Quốc Việt (đường Lê Lợi).                        | 550     |
| -          | Đoạn từ giáp đất nhà ông Hoàng Quốc Việt đến nhà ông Nguyễn Văn Ghi (đường Lê Lợi).                                | 202     |
| -          | Đoạn từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Ghi đến giáp xã Ngọc Wang.                                                     | 161     |
| <b>1.1</b> | <b>Đường Lê Lợi nối dài (bên kia mương thôn 5)</b>                                                                 |         |
| -          | Đoạn từ Hùng Vương đến hết nhà ông Quỳnh                                                                           | 450     |
| -          | Từ sau phần đất nhà ông Rỹ - hết đất thôn 3                                                                        | 150     |
| -          | Từ đất thôn thống nhất – ngã 3 Hà Mòn                                                                              | 300     |
| -          | Đoạn từ hết nhà ông Quỳnh đến hết nhà ông Rỹ                                                                       | 113     |
| -          | Đoạn từ đất giáp thị trấn đến hết đất nhà ông Tiền                                                                 | 370     |
| -          | Từ nhà ông Tiền – hết đất nhà ông Anh (đường xuống hồ đội 1)                                                       | 340     |
| -          | Từ quán Thanh Thanh (đường xuống hồ đội 1) - ngã 3 Hà Mòn                                                          | 380     |
| <b>1.2</b> | <b>Đoạn từ ngã 3 xã Hà Mòn đến hết đất nhà ông Mai Hoạt: chia làm 2 đoạn.</b>                                      |         |
| -          | Đoạn từ ngã 3 xã Hà Mòn đến hết trạm y tế xã.                                                                      | 380     |
| -          | Đoạn từ hết trạm y tế xã đến nhà ông Mai Hoạt.                                                                     | 168     |
| -          | Đoạn từ nhà Mai Hoạt đến ngã 3 đội 5                                                                               | 105     |
| <b>1.3</b> | <b>Đoạn từ ngã 3 xã Hà Mòn đến nhà ông Ngô Văn Doanh chia thành 2 đoạn.</b>                                        |         |
| -          | Đoạn từ ngã 3 xã Hà Mòn đến nhà ông Thu                                                                            | 295     |
| -          | Đoạn từ nhà ông Thu đến hết đất quán ông Hợi                                                                       | 263     |
| -          | Đoạn từ hết đất quán ông Hợi đến hết nhà ông Võ Thái Sơn; chia làm 2 đoạn:                                         |         |
| -          | Đoạn từ hết đất quán ông Hợi đến hết đất nhà ông Uông Hai                                                          | 200     |
| -          | Đoạn từ hết đất nhà ông Uông Hai đến hết đất nhà ông Võ Thái Sơn                                                   | 105     |
| -          | Đoạn từ quán Hạnh Ba đến hết đất nhà bà Võ Thị Mụn                                                                 | 200     |
| -          | Đoạn từ hết đất nhà bà Võ Thị Mụn đến hết đất nhà ông Nghiêm Xuân Tiếp                                             | 105     |
| <b>1.4</b> | <b>Các đường trong khu Quy hoạch tạo vốn từ quỹ đất</b>                                                            |         |
| -          | Đường Nguyễn Bình Khiêm                                                                                            | 150     |
| -          | Đường Ngô Tiến Dũng                                                                                                | 130     |

|          |                                                                                     |     |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| -        | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                               | 110 |
| -        | Đường Trương Định                                                                   | 90  |
| -        | Đường Lê Văn Hiến                                                                   | 75  |
| -        | Đường Nguyễn Đình Chiểu khu A, B và khu K                                           | 90  |
| -        | Đường Nguyễn Đình Chiểu khu C, D, L và khu M                                        | 80  |
| -        | Đường Nguyễn Đình Chiểu khu E, G, N, O và khu P                                     | 75  |
| -        | Các đường còn lại.                                                                  | 63  |
| <b>2</b> | <b>Xã Đắk La:</b>                                                                   |     |
| -        | Từ giáp ranh xã Hà Mòn đến hết phần đất nhà bà Nguyễn Thị Mến (thôn 3)              | 189 |
| -        | Từ phần đất nhà bà Nguyễn Thị Mến (thôn 3) đến hết phần đất ngã tư vào đường thôn 4 | 239 |
| -        | Từ hết đất ngã tư vào thôn 4 đến hết phần đất ông Phan Văn Tấn (thôn 1B)            | 255 |
| -        | Từ hết phần đất ông Phan Văn Tấn đến ranh giới thành phố Kon Tum                    | 227 |
| -        | Từ sau phần đất nhà ông: Nguyễn Long Cường đến hết nhà ông Võ Đức Kính thôn 6       | 162 |
| -        | Từ nhà ông Võ Đức Kính đến cầu Đắk Xít thôn 7                                       | 105 |
| -        | Từ cầu Đắk Xít đến hết thôn 10 (Đắk Chót)                                           | 61  |
| -        | Từ ngã ba thôn 5 thôn 6 đến nhà ông Nguyễn Văn Trúc                                 | 53  |
| -        | Từ sau nhà ông: Nguyễn Lưu đi hết đường chính thôn 3                                | 46  |
| -        | Từ sau phần đất bà Nguyễn Thị Thành đến hết Đường chính thôn 4                      | 47  |
| -        | Từ đất nhà ông Lê Tấn Tĩnh thôn 6 đến hết nhà ông: Nguyễn Thanh Hiệp                | 57  |
| -        | Tất cả các Đường chính của thôn 2                                                   | 46  |
| -        | Sau UBND xã Đắk La đến hết nhà ông Trần Văn Minh                                    | 44  |
| -        | Sau phần đất nhà ông Trần Xuân Thanh đến nhà ông Trần Đức Danh                      | 78  |
| -        | Sau hội trường cũ thôn 1B đến trạm trộn bê tông                                     | 57  |
| -        | Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Uốt đến nhà ông Phạm Văn Lộc thôn 1B                   | 44  |
| -        | Hết phần đất nhà ông Nguyễn Văn Giác đến hết đất ông Nguyễn Viết Lạng thôn 1B       | 46  |
| -        | Tất cả các đường còn lại.                                                           | 34  |
| <b>3</b> | <b>Xã Đắk Mar:</b>                                                                  |     |
| -        | Từ ranh giới Thị trấn đến ngã 3 Đường vào thôn 1 (cả 2 bên đường QL 14)             | 462 |
| -        | Từ giáp ngã 3 Đường vào thôn 1 đến hết giáp nương (cả 2 bên đường QL 14)            | 420 |
| -        | Từ nương đến giáp ranh giới xã Đắk Hring (cả 2 bên đường QL 14)                     | 420 |
| -        | Từ ngã 3 Đường vào Công ty TNHH 734 đến hết đất trụ sở Công ty TNHH 734.            | 259 |
| -        | Từ hết đất trụ sở Công ty TNHH 734 đến hết sân phơi Công ty TNHH 734.               | 170 |

|            |                                                                                                            |     |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| -          | Từ hết sân phơi Công ty TNHH 734 đến giáp đất nhà ông Tạ Ngọc Quang                                        | 160 |
| -          | Từ hết đất nhà ông Tạ Ngọc Quang đến hết đất nhà ông Nguyễn Hàm Quang.                                     | 144 |
| -          | Từ hết đất nhà ông Nguyễn Hàm Quang đến hết đất làng KonGung - Đăk Mút.                                    | 58  |
| -          | Từ giáp đất ông Trần Thanh Tuấn (thôn 1) đến hết cầu sang thị trấn.                                        | 160 |
| -          | Từ giáp đất ông Phạm Thanh Hải đến giáp nương cầu máng (khu vực Đường mới)                                 | 142 |
| -          | Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Chí Ánh đến hết phần đất ông Lưu Đức Kha                                        | 120 |
| -          | Các Đường quy hoạch khu giao đất có thu tiền tại thôn 3 xã Đăk Mar                                         | 176 |
| -          | Đoạn từ QL14 đến cổng chào thôn Kon Kơ Lốc                                                                 | 120 |
| -          | Đoạn từ cổng chào thôn Kon Kơ Lốc đến đập hồ 707                                                           | 90  |
| -          | Các đường còn lại.                                                                                         | 54  |
| <b>4</b>   | <b>Xã Đăk Ui:</b>                                                                                          |     |
| -          | Từ ranh giới thị trấn đến ngã 3 vào đập Đăk Ui                                                             | 71  |
| -          | Từ ngã 3 vào đập Đăk Ui đến cầu thôn 8.                                                                    | 57  |
| -          | Từ cầu thôn 8 đến cầu Đăk Prông thôn 1B                                                                    | 66  |
| -          | Từ cầu Đăk Prông thôn 1B đến hết thôn 1A                                                                   | 50  |
| -          | Từ ngã 3 thôn 7 – hết nhà rông thôn 5B                                                                     | 40  |
| -          | Các đường còn lại.                                                                                         | 35  |
| <b>5</b>   | <b>Xã Đăk Hring:</b>                                                                                       |     |
| -          | Từ ranh giới xã Đăk Mar đến hết Trường tiểu học Bế Văn Đàn                                                 | 378 |
| -          | Mặt đường QL 14 từ đường vào nghĩa trang (quán Lan Thông) đến hết đất nhà Ông Trần Vinh (Đường vào mỏ đá). | 315 |
| -          | Mặt đường Lô 2 từ đường vào nghĩa trang (quán Lan Thông) đến hết đất nhà ông Trần Vinh (đường vào mỏ đá).  | 65  |
| -          | Từ nhà Ông Huỳnh Hữu Năng đến hết đất trồng cao su (giáp khu thị tứ).                                      | 74  |
| -          | Từ Đường vào mỏ đá đến hết đất nhà Ông Hồ Văn Bảy.                                                         | 277 |
| -          | Từ nhà Ông Hồ Văn Bảy đến hết đất nhà Ông Lê Hồng Anh.                                                     | 473 |
| -          | Từ nhà Lê Hồng Anh đến ranh giới xã Diên Bình huyện Đăk Tô.                                                | 246 |
| -          | Từ ngã ba đi xã Đăk Pxi đến hết đất nhà ông Phan Thanh Sang                                                | 221 |
| -          | Các Đường Quy hoạch khu dân cư (đầu giá).                                                                  | 158 |
| -          | Từ ngã ba (liền kề Trụ sở UBND xã Đăk Hring) đến hết đất ông Nguyễn Văn Thanh.                             | 161 |
| -          | Từ ngã ba Quốc lộ 14 (Đường vào xóm Huế) đến hết đất nhà Ông Thanh.                                        | 57  |
| -          | Từ nhà ông Phan Thanh Sang đến Cầu Tua Team (A Thích)                                                      | 53  |
| -          | Từ nhà ông A Thích đến giáp ranh giới xã Đăk Pxi.                                                          | 38  |
| -          | Đường Quy hoạch số 05 nối dài đến Trụ sở mới chi nhánh Công ty cà phê (đường xóm mới).                     | 53  |
| <b>5.1</b> | <b>Khu quy hoạch 3.7 (bổ sung)</b>                                                                         |     |

|          |                                                                                  |     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----|
| -        | Đường Quy hoạch số 1 (song song QL 14)                                           | 400 |
| -        | Đường Quy hoạch số 2 (song song với đường QH số 1)                               | 232 |
| -        | Đường Quy hoạch số 3 (song song với đường QH số 2)                               | 106 |
| -        | Đường Quy hoạch số 4 (song song với đường QH số 3)                               | 99  |
| -        | Đường Quy hoạch số 5 (song song với đường QH số 4)                               | 238 |
| -        | Đường Quy hoạch số 6 (song song với đường QH số 5)                               | 238 |
| -        | Đường Quy hoạch số 7 (đoạn từ đường QH số 1 đến giáp đường QH số 3)              | 170 |
| -        | Đường Quy hoạch số 7 (đoạn từ đường QH số 3 đến hết đường)                       | 96  |
| -        | Đường Quy hoạch số 8 (đoạn từ đường QH số 1 đến giáp đường QH số 3)              | 189 |
| -        | Đường Quy hoạch số 8 (đoạn từ đường QH số 3 đến hết đường)                       | 89  |
| -        | Đường Quy hoạch số 9 (đoạn từ đường QH số 1 đến giáp đường QH số 3)              | 240 |
| -        | Đường Quy hoạch số 9 (đoạn từ đường QH số 3 đến hết đường)                       | 107 |
| -        | Đường Quy hoạch số 10 (đoạn từ đường QH số 1 đến giáp đường QH số 3)             | 189 |
| -        | Đường Quy hoạch số 10 (đoạn từ đường QH số 3 đến hết đường)                      | 89  |
| -        | Đường Quy hoạch số 11 (đoạn từ đường QH số 1 đến giáp đường QH số 3)             | 220 |
| -        | Đường Quy hoạch số 11 (từ đường QH số 3 đến hết đường)                           | 85  |
| -        | Các đường còn lại.                                                               | 35  |
| <b>6</b> | <b>Xã Đắk Pxi:</b>                                                               |     |
| -        | Từ ranh giới Đắk Hring đến hết đất thôn 11.                                      | 30  |
| -        | Từ giáp đất thôn 11 đến cầu Đắk Vet.                                             | 30  |
| -        | Từ cầu Đắk Vet đến hết đất thôn 6                                                | 40  |
| -        | Từ hết đất thôn 6 đến hết đất thôn 7                                             | 40  |
| -        | Từ hết đất thôn 7 đến hết đất thôn 10                                            | 30  |
| -        | Từ đất thôn 6 đến hết đất thôn 10.                                               | 30  |
| -        | Từ ngã 3 trụ sở xã đến hết khu dân cư công nhân chi nhánh NT 701 cũ tại Đắk Pxi. | 35  |
| -        | Các đường còn lại.                                                               | 30  |
| <b>7</b> | <b>Xã Ngọc Wang:</b>                                                             |     |
| -        | Từ ranh giới xã Hà Mòn đến hết đất thôn 7                                        | 63  |
| -        | Từ hết đất thôn 7 đến hết đất thôn 5                                             | 47  |
| -        | Từ hết đất thôn 5 đến ngã 3 đi xã Ngọc Réo                                       | 95  |
| -        | Từ ngã 3 đi xã Ngọc Réo - hết đất thôn 4                                         | 80  |
| -        | Từ ngã 3 đi Ngọc Réo đến hết khu dân cư thôn 3 (Vùng tái định cư).               | 48  |
|          | Đường QH đầu giá số 1 từ nhà ông Lùng đến hết đường QH đầu giá                   | 35  |
|          | Đường QH đầu giá số 2 từ nhà ông Phú đến hết đường QH đầu giá                    | 35  |
|          | Đoạn đường từ hết 3 đến hết thôn 1 (đường liên xã Ngọc Wang - Đắk Ui)            | 30  |
| -        | Các đường còn lại.                                                               | 30  |

|          |                                                      |    |
|----------|------------------------------------------------------|----|
| <b>8</b> | <b>Xã Ngọc Réo:</b>                                  |    |
| -        | Từ ranh giới xã Ngọc Vang đến hết thôn Kon Bành      | 30 |
| -        | Từ hết thôn Kon Bành đến ranh giới thành phố Kon Tum | 30 |
| -        | Các đường còn lại.                                   | 28 |

**B. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 30.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 38.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

**C. Giá đất vườn ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn:**

Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 18.000 đồng/m<sup>2</sup>.

### III. HUYỆN ĐẮK TÔ:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                                                                   | Đơn giá |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Bảng giá đất ở ven trục giao thông chính, các vùng ven đô thị và đất ở khu dân cư nông thôn trên địa bàn các xã.</b> |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Diên Bình</b>                                                                                                     |         |
| <b>1.1</b> | <b>Trục đường giao thông chính QL 14</b>                                                                                |         |
| -          | Ranh giới thị trấn - Viên ngáp (phía bắc lòng hồ)                                                                       |         |
| -          | Phía đông Quốc lộ 14                                                                                                    | 160     |
| -          | Phía tây Quốc lộ 14                                                                                                     | 205     |
| -          | Viên ngáp phía Nam - Cổng chào                                                                                          | 180     |
| -          | Cổng chào - giáp xã Đắk HRing                                                                                           | 280     |
| <b>1.2</b> | <b>Khu tái định cư xã Diên Bình</b>                                                                                     |         |
| -          | Trục A1-A2 (Lô 1 song song với Quốc lộ 14)                                                                              | 120     |
| -          | Trục B1-B2 (Lô 2 song song với Quốc lộ 14)                                                                              | 110     |
| -          | Trục C1-C2 (Lô 3 song song với Quốc lộ 14)                                                                              | 100     |
| -          | Trục D1-D2 (Lô 4 song song với Quốc lộ 14)                                                                              | 90      |
| -          | Trục E1-E2 (Lô 5 song song với Quốc lộ 14)                                                                              | 80      |
| -          | Trục G1-G2 (Lô 6 song song với Quốc lộ 14)                                                                              | 70      |
| -          | Các vị trí còn lại                                                                                                      | 60      |
| <b>1.3</b> | <b>Đường thôn 4</b>                                                                                                     |         |
| -          | Quốc lộ 14 - Thủy lợi C19                                                                                               | 100     |
| -          | Các đường nhánh còn lại                                                                                                 | 50      |
| -          | Khu vực thôn 2                                                                                                          | 50      |
| <b>1.4</b> | <b>Đường vào làng Kon HRing</b>                                                                                         |         |
| -          | Quốc lộ 14 - Ngã 3 Bia chiến tích (cả 2 tuyến)                                                                          | 80      |
| -          | Bia chiến tích - Hết làng                                                                                               | 60      |
| -          | Các vị trí còn lại                                                                                                      | 30      |
| -          | Làng Đắk Kang Pêng                                                                                                      | 28      |
| <b>1.5</b> | <b>Các vị trí còn lại của thôn 1, thôn 3</b>                                                                            | 50      |
| <b>2</b>   | <b>Xã Tân Cảnh</b>                                                                                                      |         |
| <b>2.1</b> | <b>Quốc lộ 14</b>                                                                                                       |         |
| -          | Từ thị trấn - Đường vào nhà máy mì                                                                                      | 250     |
| -          | Đường vào nhà máy mì - Cầu Tri Lễ                                                                                       | 270     |
| -          | Cầu Tri Lễ - Cổng nhà ông Mâu                                                                                           | 320     |
| -          | Cổng nhà ông Mâu - Cầu Đắk Mốt                                                                                          | 250     |
| -          | Các vị trí khác                                                                                                         | 120     |
| <b>2.2</b> | <b>Các đường nhánh nối quốc lộ 14</b>                                                                                   |         |
| -          | Từ quốc lộ 14 vào 150m                                                                                                  | 150     |
| -          | Đoạn còn lại                                                                                                            | 100     |
| -          | Các tuyến đường khu quy hoạch mới (sau UBND xã)                                                                         | 120     |
| -          | Làng Đắk RiZốp, làng Đắk RiPen 1, Làng Đắk RiPen 2                                                                      | 30      |
| -          | Các vị trí còn lại                                                                                                      | 30      |
| <b>3</b>   | <b>Xã Pô Kô</b>                                                                                                         |         |

|            |                                                                   |     |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-----|
| -          | Đường nhựa trung tâm xã (đường tránh ngập lòng hồ Plei Krông)     | 50  |
| <b>3.1</b> | <b>Đường tránh ngập lòng hồ Plei Krông</b>                        |     |
| -          | Từ cầu Đắk Tuyên 2 – hết thôn Kon Tu Peng                         | 30  |
| -          | Từ đầu Kon Tu Dốp 1 – hết Kon Tu Dốp 2                            | 30  |
| <b>3.2</b> | <b>Các vị trí còn lại</b>                                         |     |
| -          | Thôn Kon Tu Peng (vị trí còn lại)                                 | 30  |
| -          | Các vị trí còn lại của các thôn                                   | 28  |
| <b>4</b>   | <b>Xã Kon Đào</b>                                                 |     |
| <b>4.1</b> | <b>Tỉnh lộ 672</b>                                                |     |
| -          | Từ cầu 10 tấn - Trường Mầm Non Hoa Phượng                         | 160 |
| -          | Đường từ mầm non Hoa Phượng - đường vào trại sản xuất Sư 10       | 220 |
| -          | Đường vào trại sản xuất Sư 10 - Ngã 3 Ngọc Tụ                     | 160 |
| <b>4.2</b> | <b>Đường Kon Đào - Văn Lem</b>                                    |     |
| -          | Ngã 3 tỉnh lộ 672 - Cổng suối đá                                  | 140 |
| -          | Cổng suối đá - Ngã 3 đi suối nước nóng                            | 80  |
| -          | Ngã 3 đi suối nước nóng - Giáp xã Văn Lem                         | 50  |
| -          | Ngã 3 đi suối nước nóng - Suối nước nóng                          | 80  |
| -          | Vị trí khác của thôn 1, 2, 6 và thôn 7                            | 80  |
| -          | Vị trí Kon Đào 1, 2, Đắk Lung, thôn 3                             | 30  |
| <b>5</b>   | <b>Xã Đắk Rơ Nga</b>                                              |     |
| <b>5.1</b> | <b>Đường DH 53</b>                                                |     |
| -          | Ngọc Tụ - Hết làng Đắk Dé                                         | 30  |
| -          | Cuối làng Đắk Dé - Hết xã Đắk Rơ Nga                              | 30  |
| <b>5.2</b> | <b>Các vị trí còn lại</b>                                         |     |
| -          | Làng Đắk Manh 1, làng Đắk Manh 2, làng Đắk Dé                     | 30  |
| -          | Làng Đắk Pun, làng Đắk Con                                        | 28  |
| <b>6</b>   | <b>Xã Ngọc Tụ</b>                                                 |     |
| <b>6.1</b> | <b>Đường DH 53</b>                                                |     |
| -          | Từ ngã 3 Ngọc Tụ - thôn Đắk No                                    | 50  |
| -          | Trung tâm xã Ngọc Tụ (thôn Đắk Nu)                                | 55  |
| -          | Các vị trí còn lại                                                | 40  |
| -          | Từ thôn Đắk Nu – hết Đắk Tông                                     | 46  |
| -          | Từ hồ 1: thôn Đắk Tăng - Ngã 3 đi xã Đắk Rơ Nga (thôn Đắk Manh 1) | 32  |
| -          | Các vị trí còn lại                                                | 25  |
| <b>6.2</b> | <b>Tỉnh Lộ 672</b>                                                | 35  |
| -          | Các vị trí còn lại                                                | 28  |
| <b>7</b>   | <b>Xã Văn Lem</b>                                                 |     |
| -          | Đường Kon Đào - Văn Lem (KT86) toàn tuyến                         | 35  |
| -          | Đường làng Măng Rưng                                              | 30  |
| -          | Các vị trí còn lại                                                | 28  |
| <b>8</b>   | <b>Xã Đắk Trăm</b>                                                |     |
| <b>8.1</b> | <b>Trục đường giao thông Tỉnh lộ 672</b>                          |     |
| -          | Mỏ đá Ngọc Tụ - cầu Đắk Rô Gia                                    | 35  |
| -          | Từ cầu Đắk Rô Gia - Cầu Đắk Trăm                                  | 50  |

|            |                                                  |    |
|------------|--------------------------------------------------|----|
| -          | Cầu Đăk Trăm - Ngã 3 Tỉnh lộ 678                 | 70 |
| -          | Ngã 3 Tỉnh lộ 672 -Cổng TeaRo                    | 50 |
| -          | Cổng TeaRo - Dốc Măng Roi                        | 35 |
| <b>8.2</b> | <b>Tỉnh lộ 678</b>                               |    |
| -          | Ngã ba tỉnh lộ 672 - Ngã tư cuối trường tiểu học | 70 |
| -          | Ngã tư cuối trường tiểu học - Cầu sắt            | 40 |
| -          | Các đường trung tâm cụm xã                       | 35 |
| -          | Đường đi từ làng Đăk Mông - Làng của Đăk Hà      | 25 |
| -          | Các vị trí còn lại                               | 25 |

**Ghi chú:** Chiều sâu lô đất được tính bằng 50m.

**B. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm mức giá: 30.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 36.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

**C. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn:** Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở:

1. Xã Diên Bình, Tân Cảnh: 16.000 đ/m<sup>2</sup>.
2. Xã Kon Đào, Pô Kô: 13.000 đ/m<sup>2</sup>.
3. Xã Ngọc Tụ, Đăk Trăm: 11.000 đ/m<sup>2</sup>.
4. Xã Văn Lem, Đăk Rơ Nga: 19.000 đ/m<sup>2</sup>.

#### IV. HUYỆN NGỌC HÒI:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT      | Tên đơn vị hành chính                                                                                  | Đơn giá |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b> | <b>Giá đất ở ven trục đường giao thông chính</b>                                                       |         |
| -        | Phía đông Hạt Quản lý Quốc Lộ (đường HCM) - Cầu Đăk Môt                                                | 300     |
| <b>1</b> | <b>Xã Đăk Xú</b>                                                                                       |         |
| -        | Từ ranh giới thị trấn đến hết ranh giới mở rộng Thị Trấn Plei Kần theo quy hoạch                       | 450     |
| -        | Từ Ranh giới mở rộng Thị Trấn Plei Kần theo quy hoạch đến giáp ranh giới xã Bờ Y (dọc QL 40)           | 380     |
| <b>2</b> | <b>Xã Bờ Y</b>                                                                                         |         |
| -        | Từ ranh giới xã Đăk Xú đến cầu thôn Bắc Phong                                                          | 440     |
| -        | Từ cầu thôn Bắc Phong đến UBND xã Bờ Y                                                                 | 500     |
| -        | Từ phía tây UBND xã Bờ Y đến hết trạm thu phí                                                          | 300     |
| -        | Đường D4                                                                                               | 170     |
| -        | Ngã ba trạm thu phí (dọc QL 40) - ranh giới Campuchia (hết đường nhựa)                                 | 250     |
| -        | Đoạn từ ngã 3 trạm thu phí đến trạm kiểm soát liên hợp dọc QL 40                                       | 250     |
| -        | Đường nội bộ quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu                                                            | 200     |
| <b>3</b> | <b>Xã Đăk Nông</b>                                                                                     |         |
| -        | Mặt tiền QL 14 đường HCM                                                                               | 250     |
| <b>4</b> | <b>Xã Đăk Dục</b>                                                                                      |         |
| -        | Mặt tiền QL 14 đường HCM: Đoạn từ xã Đăk Nông đến ranh giới xã Đăk Dục (giáp ranh giới huyện Đăk Glei) | 200     |
| <b>5</b> | <b>Xã Đăk Kan: (Dọc mặt tiền QL 14C)</b>                                                               |         |
| -        | Từ ranh giới thị trấn đến Cầu 732                                                                      | 200     |
| -        | Từ Cầu 732 đến hết khu trung tâm quy hoạch xã Đăk Kan                                                  | 150     |
| -        | Từ khu trung tâm quy hoạch xã Đăk Kan đến giáp ranh giới huyện Sa Thầy                                 | 110     |
| <b>6</b> | <b>Xã Sa Loong - (Nam sân vận động 732) - Giáp đập Đăk Wang</b>                                        |         |
| -        | Từ Quốc lộ 14C (cầu 732) đến hết sân vận động 732                                                      | 180     |
| -        | Từ hết sân vận động 732 đến giáp đập Đăk Wang                                                          | 150     |
| <b>7</b> | <b>Đất khu dân cư còn lại trên địa bàn thị trấn</b>                                                    | 150     |
| <b>B</b> | <b>Giá đất ở khu dân cư nông thôn</b>                                                                  |         |
| -        | Khu dân cư còn lại xã Đăk Xú                                                                           | 110     |
| -        | Khu dân cư còn lại xã Bờ Y                                                                             | 130     |
| -        | Khu dân cư còn lại xã Đăk Dục, Đăk Nông, Đăk Ang                                                       | 60      |
| -        | Khu dân cư còn lại xã Đăk Kan, Sa Loong                                                                | 55      |

#### C. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:

1. Giá đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu XD: 30.000 đ/m<sup>2</sup> (ngoài ranh giới quy hoạch xây dựng thị trấn).

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 35.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

**D. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn:** Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 12.000 đ/m<sup>2</sup>.

## V. HUYỆN ĐẮK GLEI:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                                                                | Đơn giá |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Giá đất khu dân cư ven trục đường giao thông chính</b>                                                            |         |
| <b>1</b>   | <b>Độc trục đường Hồ Chí Minh</b>                                                                                    |         |
| -          | Từ đất nhà bà Thuận – Cổng suối Đắk Năng                                                                             | 250     |
| -          | Từ Nam cổng suối Đắk Năng đến Bắc cầu Đắk Wak                                                                        | 100     |
| <b>1.1</b> | <b>Đoạn từ: Nam cầu Đắk Wak đến hết ranh giới xã Đắk Roong - Đắk Môn</b>                                             |         |
| -          | Từ Nam cầu Đắk Wak đến nhà ông Long Hiền                                                                             | 250     |
| -          | Từ nhà ông Long Hiền đến Bắc cầu Đắk Túc                                                                             | 200     |
| -          | Từ Nam cầu Đắk Túc đến Cổng Đắk Tra                                                                                  | 300     |
| -          | Từ Nam Cổng Đắk Tra đến giáp Ngọc Hồi                                                                                | 200     |
| -          | Từ Bắc cầu Đắk Ven - ngã 3 Đắk Tả                                                                                    | 100     |
| -          | Từ ngã 3 Đắk Tả - Trụ sở UBND xã Đắk Man cũ                                                                          | 80      |
| -          | Từ trụ sở UBND xã Đắk Man cũ - Hết suối thác Đắk Chè (trừ trung tâm cụm xã)                                          | 150     |
| -          | Từ suối thác Đắk Chè đến giáp Phước Sơn (Quảng Nam)                                                                  | 100     |
| <b>2</b>   | <b>Các đường nhánh phụ, độc đường Hùng Vương</b>                                                                     |         |
| -          | Từ Chu Văn An đi khu quy hoạch Đông Thượng                                                                           | 600     |
| -          | Đường Hùng Vương - Ngã 3 Đắk Dền, Pêng Sel (tính mốc GPMB đường Hùng Vương vào sâu 50m là vị trí 1)                  | 650     |
| -          | Từ ngã 3 Đắk Dền, Pêng Sel - Cầu treo Đắk Rang                                                                       | 400     |
| -          | Từ ngã 3 Đắk Dền - Hết đất nhà bà Y Lâu                                                                              | 300     |
| -          | Từ hết đất nhà bà Y Lâu - Đoạn còn lại                                                                               | 60      |
| -          | Đường Hùng Vương - Cầu tràn Suối Đắk Rang (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)                | 350     |
| -          | Từ nhà ông Vững - Nhà ông Cát Giang Nga (tính từ chân cầu Đắk Rang - Ngã 3 tiếp giáp với đường Hùng Vương, QL 14 cũ) | 500     |
| -          | Đường Hùng Vương - đi ngã 3 Đắk Lôi                                                                                  | 400     |
| -          | Từ ngã 3 Đắk Lôi - đến ngã 3 A Khanh - Đắk Ra                                                                        | 350     |
| -          | Từ ngã 3 Đắk Lôi - đến hết đất nhà ông Hào                                                                           | 200     |
| <b>B</b>   | <b>Giá đất khu dân cư nông thôn</b>                                                                                  |         |
| -          | Đường HCM đến xã Đắk BLô (từ ngã 3 Măng Khên sâu 50 m - Đồn Biên phòng 665)                                          | 80      |
| -          | Đường Đắk Tả đến giáp hồ Đắk Tin xã Đắk Choong                                                                       | 50      |
| -          | Từ hồ Đắk Tin đến hết cầu Bê Rê (trừ đất trung tâm xã)                                                               | 200     |
| -          | Từ cầu Bê Rê đến cầu ngầm Mừng Hoong - Ngọc Linh                                                                     | 100     |
| -          | Từ Ngã 4 đường đi xã Mừng Hoong-Ngọc Linh đến hết Làng Đắk Bê                                                        | 150     |
| -          | Từ giáp đất QH trung tâm xã Đắk Choong - cầu Đắk Choong xã Xốp                                                       | 200     |
| -          | Từ Cầu Đắk Choong đến giáp đất quy hoạch Trung tâm xã Xốp                                                            | 60      |

|          |                                                                                                |     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| -        | Từ đất quy hoạch TT xã Xốp đến hết làng Long Ri                                                | 40  |
| -        | Đường HCM đến Làng Núi Vai xã Đắk Roong                                                        | 50  |
| -        | Giáp đất quy hoạch Đắk Môn đến Đồn biên phòng 673 (tính từ hết đất khu qui hoạch TTCX Đắk Môn) | 70  |
| -        | Đường từ ngã suối Đắk Pang - Đồn biên phòng 669 thuộc xã Đắk Nhoong                            | 50  |
| -        | Các trục đường liên thôn khác và khu dân cư nằm ngoài các trục đường nói trên                  | 30  |
| <b>C</b> | <b>Giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn</b>                                                |     |
| -        | Xã Đắk Long                                                                                    | 30  |
| -        | Xã Đắk Môn                                                                                     | 40  |
| -        | Xã Đắk KRoong                                                                                  | 40  |
| -        | Xã Đắk Pét                                                                                     | 40  |
| -        | Xã Đắk Nhoong                                                                                  | 30  |
| -        | Xã Đắk Man                                                                                     | 40  |
| -        | Xã Đắk BLô                                                                                     | 30  |
| -        | Xã Đắk Choong                                                                                  | 35  |
| -        | Xã Xốp                                                                                         | 30  |
| -        | Xã Mường Hoong                                                                                 | 30  |
| -        | Xã Ngọc Linh                                                                                   | 30  |
| <b>D</b> | <b>Giá đất ở tại trung tâm cụm xã, trung tâm các xã</b>                                        |     |
| -        | Trung tâm cụm xã Đắk Môn                                                                       | 300 |
| -        | Trung tâm xã Đắk Choong, Đắk Long                                                              | 250 |
| -        | Trung tâm xã Xốp, Đắk Man                                                                      | 80  |
| -        | Trung tâm xã Mường Hoong                                                                       | 100 |
| -        | Trung tâm các xã còn lại, gồm: Ngọc Linh, Đắk Nhoong, Đắk BLô                                  | 80  |

**E. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm mức giá: 20.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 34.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

**F. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn:**

- Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 10.000 đ/m<sup>2</sup>.

**Ghi chú:** Các xã, thị trấn: Thị trấn Đắk Gle, xã Đắk Pét, Đắk Kroong đã tính giá đất dọc theo đường HCM, do vậy không quy định giá đất ở trung tâm cụm xã.

## VI. HUYỆN SA THẦY:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                       | Đơn giá  |          |          |          |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
|            |                                                                             | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
| <b>A</b>   | <b>Giá đất ở ven trục đường giao thông chính</b>                            |          |          |          |          |
| <b>1</b>   | <b>Tỉnh lộ 675</b>                                                          |          |          |          |          |
| -          | Đoạn từ cầu Đăk Sĩa đến cầu Đỏ xã Sa Nghĩa.                                 | 173      | 121      | 95       | 87       |
| -          | Đoạn từ cầu Đỏ Sa Nghĩa đến ngã 3 tỉnh lộ 675 cũ đường vào UBND xã Sa Bình. | 90       | 63       | 50       | 45       |
| -          | Đoạn từ ngã 3 tỉnh lộ 675 cũ đến cầu Pôkô.                                  | 150      | 105      | 83       | 75       |
| <b>2</b>   | <b>Trung Tâm cụm xã Ya Ly - Ya Xia:</b>                                     |          |          |          |          |
| -          | Đoạn từ ngã 3 Ya ly - Ya xiê đi về huyện đến ngã 3 đường QH (N1).           | 150      | 105      | 83       | 75       |
| -          | Đoạn từ 50m tiếp theo từ ngã 3 QH (N1) đi về huyện.                         | 110      | 77       | 61       | 55       |
| -          | Đoạn 100m, từ ngã 3 Ya ly - Ya xiê đi xã Ya ly.                             | 150      | 105      | 83       | 75       |
| -          | Đoạn 100 m tính từ ngã 3 Ya ly - Ya xiê đi xã Ya xiê.                       | 150      | 105      | 83       | 75       |
| -          | Đoạn tiếp theo từ 100m đi xã Ya xiê đến ngã 4 đường QH (N4).                | 100      | 70       | 55       | 50       |
| -          | Đoạn tiếp theo 50m tính từ ngã 4 đường QH (N4).                             | 80       | 56       | 44       | 40       |
| <b>2.1</b> | <b>Đường Trục chính Trung tâm cụm xã:</b>                                   |          |          |          |          |
| -          | - Đoạn từ ngã 3 Ya ly-Ya xiê đến ngã 4 đường QH (D1).                       | 110      | 77       | 61       | 55       |
| -          | - Đoạn từ ngã 4 đường QH (D1) đến ngã 4 đường QH (D2).                      | 90       | 63       | 50       | 45       |
| -          | - Đoạn từ ngã 4 đường QH (D2) đến ngã 4 đường QH (D3).                      | 80       | 56       | 44       | 40       |
| -          | Đường QH (D1) (458m).                                                       | 80       | 56       | 44       | 40       |
| -          | Đường QH (D2) (468m).                                                       | 60       | 42       | 33       | 30       |
| -          | Đường QH (D3) (468m).                                                       | 50       | 35       | 28       | 25       |
| -          | Đường QH (D4) (373,6m)                                                      | 35       | 25       | 19       | 18       |
| <b>2.2</b> | <b>Đường QH (N1):</b>                                                       |          |          |          |          |
| -          | - Đoạn từ ngã 3 đường huyện đến ngã 3 đường QH (D1).                        | 60       | 42       | 33       | 30       |
| -          | - Đoạn tiếp từ ngã 3 đường QH (D1) đến ngã 3 đường QH (D2).                 | 50       | 35       | 28       | 25       |
| -          | - Đoạn tiếp từ ngã 3 đường QH (D2) đến ngã 3 đường QH (D3).                 | 35       | 25       | 19       | 18       |
| -          | - Đoạn tiếp từ ngã 3 đường QH (D3) đến ngã 3 đường QH (D4).                 | 90       | 63       | 50       | 45       |
| -          | Đường QH (N2):                                                              | 35       | 25       | 19       | 18       |
| -          | Đường QH (N3):                                                              | 35       | 25       | 19       | 18       |
| -          | Đường QH (N4):                                                              | 35       | 25       | 19       | 18       |

|          |                                                                                 |     |     |    |    |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|----|----|
| -        | Tỉnh lộ 675, Đoạn từ UBND xã Sa Nhơn đến 200m đi Rờ Koi, đến 200m đi Thị trấn   | 180 | 126 | 99 | 90 |
| -        | Tỉnh lộ 674 củ, Đoạn từ UBND xã Sa Sơn đến 200m đi Mô Rai, đến 200m đi Thị trấn | 150 | 105 | 83 | 75 |
| -        | Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 675 thuộc xã Sa Nhơn.                              | 120 | 84  | 66 | 60 |
| -        | Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 674 củ thuộc xã Sa Sơn                             | 100 | 70  | 55 | 50 |
| -        | Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 675 thuộc xã Rờ Koi.                               | 90  | 63  | 50 | 45 |
| -        | Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 674 củ thuộc xã Mô Rai.                            | 90  | 63  | 50 | 45 |
| -        | Quốc lộ 14C thuộc xã Mô Rai đoạn từ cuối làng Le đến đội 10 Công ty 78          | 110 | 77  | 61 | 55 |
| -        | Ven Quốc lộ 14C thuộc xã Mô Rai                                                 | 100 | 70  | 55 | 50 |
| -        | Ven Quốc lộ 14C thuộc xã Rờ Koi.                                                | 90  | 63  | 50 | 45 |
| -        | Đường trục chính thuộc xã Ya Ly, xã Ya Xiêr, Ya Tăng (trừ các đoạn thuộc TTCX). | 80  | 56  | 44 | 40 |
| <b>B</b> | <b>Giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn</b>                                 |     |     |    |    |
| <b>1</b> | <b>Xã Sa bình:</b>                                                              |     |     |    |    |
| -        | Đoạn từ trung tâm UBND xã đến tỉnh lộ 675                                       | 173 | 121 | 95 | 87 |
| -        | Từ trung tâm UBND xã đi hướng Lung Leng 200m.                                   | 173 | 121 | 95 | 87 |
| -        | Từ trung tâm UBND xã đi hướng Bình Trung 200m.                                  | 173 | 121 | 95 | 87 |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 30  | 21  | 17 | 15 |
| -        | Đất còn lại.                                                                    | 27  | 19  | 15 | 14 |
| <b>2</b> | <b>Xã Sa nghĩa:</b>                                                             |     |     |    |    |
| -        | Đường nhựa từ Nghĩa Long - Hoà Bình.                                            | 100 | 70  | 55 | 50 |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 38  | 27  | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại.                                                                    | 27  | 19  | 15 | 14 |
| <b>3</b> | <b>Các xã Sa Sơn, Sa Nhơn:</b>                                                  |     |     |    |    |
| -        | Đường nhựa Trung tâm cụm xã Sa nhơn.                                            | 60  | 42  | 33 | 30 |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 38  | 27  | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại.                                                                    | 26  | 18  | 14 | 13 |
| <b>4</b> | <b>Xã Ya Xiêr - Ya Tăng (trừ Trung tâm cụm xã):</b>                             |     |     |    |    |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 38  | 27  | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại.                                                                    | 27  | 19  | 15 | 14 |
| <b>5</b> | <b>Xã Ya Ly:</b>                                                                |     |     |    |    |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 38  | 27  | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại                                                                     | 27  | 19  | 15 | 14 |
| <b>6</b> | <b>Xã Rờ Koi:</b>                                                               |     |     |    |    |
| -        | Từ ngã 3 Chợ Rờ Koi đi Làng Kram 100m.                                          | 120 | 84  | 66 | 60 |
| -        | Từ ngã 3 Chợ đi về UBND Xã 200m, từ ngã 3 chợ đi về hướng Sa Nhơn               | 140 | 98  | 77 | 70 |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 38  | 27  | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại.                                                                    | 27  | 19  | 15 | 14 |
| <b>7</b> | <b>Xã Mô Rai:</b>                                                               |     |     |    |    |
| -        | QL14C đoạn từ đội công tác đồn biên phòng 707 đến hết làng Le                   | 150 | 105 | 83 | 75 |
| -        | Đường liên thôn                                                                 | 38  | 27  | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại.                                                                    | 27  | 19  | 15 | 14 |

|          |                                                                                                                                 |     |    |    |    |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|----|----|
| <b>8</b> | <b>Xã Hơ moong:</b>                                                                                                             |     |    |    |    |
| -        | Đoạn từ UBND xã đi về xã Sa Bình và đi huyện Đắk Tô mỗi bên 250m.                                                               | 110 | 77 | 61 | 55 |
| -        | Đoạn từ ngã 3 Thôn Tân Sang đi về xã Sa Bình 200m, đi UBND xã Hơ Moong 350m và đi trụ sở Công ty Cà phê Đắk Uy 3 một đoạn 200m. | 110 | 77 | 61 | 55 |
| -        | Đường liên thôn                                                                                                                 | 38  | 27 | 21 | 19 |
| -        | Đất còn lại.                                                                                                                    | 27  | 19 | 15 |    |

\* **Ghi chú:** Chiều sâu của mỗi lô đất được tính bằng 50m, trên 50m thì áp dụng mức giá ở vị trí thấp hơn liền kề.

**C. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Giá đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu XD: 20.000 đ/m<sup>2</sup>.

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 36.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

**D. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn:** Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 12.000 đ/m<sup>2</sup>.

**VII. HUYỆN KON RẪY:**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                           | Đơn giá |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Đất ở ven trục giao thông chính</b>                                          |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Tân Lập</b>                                                               |         |
| -          | Từ biên nội thị (thị trấn Đăk RVe) - Cầu Kon Bư                                 | 65      |
| -          | Từ kè Cầu Kon Bư - Nhà ông Vũ Văn Hiệp (đối diện XN 01-05)                      | 70      |
| -          | Từ kè Nhà ông Vũ Văn Hiệp - Nhà ông Phan Văn Viết (theo đường Quốc lộ mới)      | 85      |
| -          | Từ Nhà ông Tinh - Nhà ông Nghĩa (theo đường Quốc lộ cũ)                         | 70      |
| -          | Từ kè Nhà ông Phan Văn Viết - Nhà ông Trần Văn Chương                           | 145     |
| -          | Từ kè nhà ông Trần Văn Chương - Nhà ông Dương Văn Rợ (ngã ba đi thôn 3)         | 155     |
| -          | Từ kè nhà ông Dương Văn Rợ-Nhà ông Nguyễn Văn Hợi (thôn 1)                      | 200     |
| -          | Từ kè nhà ông Nguyễn Văn Hợi (thôn 1) - Cầu Kon Brăy (cầu mới)                  | 350     |
| -          | Từ nhà ông Trần Mau - Cầu Kon Brăy cũ                                           | 325     |
| -          | Từ QL 24 (ngã 3 đi thôn 3) - Trường Tiểu học thôn 3                             | 55      |
| -          | Từ QL 24 (ngã 3 đi thôn 2) - Nhà ông Nguyễn Văn Hòa (Mi)                        | 55      |
| -          | Dọc theo trục đường liên xã qua thôn 5 và thôn 6                                | 35      |
| -          | Từ QL 24 (ngã 3 đi thôn 6) - Nhà ông Nguyễn Văn Thanh                           | 35      |
| -          | Từ QL 24 (ngã 3 đi thôn 5) - Nhà bà Nguyễn Thị Tánh                             | 30      |
| <b>2</b>   | <b>Xã Đăk Ruồng</b>                                                             |         |
| <b>2.1</b> | <b>Đoạn dọc theo trục đường Quốc lộ 24:</b>                                     |         |
| -          | Từ Cầu Kon Brăy (cũ) - Giáp đường rẽ vào nhà Nam Phong                          | 230     |
| -          | Từ Cầu Kon Brăy (mới) - Đường vào Trường THPT Chu Văn An                        | 180     |
| -          | Từ Đường vào Trường THPT Chu Văn An – ngã 3 đường vào thôn 8 làng Kon Nhên      | 350     |
| -          | Từ kè ngã 3 đường vào thôn 8 làng Kon Nhên - Đường vào trường THCS xã Đăk Ruồng | 300     |
| -          | Từ đường vào trường THCS xã Đăk Ruồng - Nhà ông Lương Xuân Thuỷ                 | 240     |
| -          | Từ kè nhà ông Lương Xuân Thuỷ - Nhà bà Nguyễn Thị Lan                           | 190     |
| -          | Từ kè nhà bà Nguyễn Thị Lan - Cầu Đăk Năng                                      | 110     |
| -          | Từ kè cầu Đăk Năng - Đường bê tông vào làng Kon SMôn                            | 70      |
| -          | Từ kè đường bê tông vào làng Kon SMôn - Cầu 23                                  | 60      |
| -          | Từ QL 24 - Cổng Trường PTTH Chu Văn An                                          | 60      |
| -          | Từ QL24 - Nhà rông làng Kon SRệt                                                | 80      |
| -          | Kè Nhà rông làng Kon Sờ Rệt – Nhà Ông A Đun                                     | 60      |
| <b>2.2</b> | <b>Đoạn từ QL24 vào làng Kon Nhên:</b>                                          |         |
| -          | Từ QL24 50m - Nhà ông U Bạc                                                     | 90      |
| -          | Từ kè nhà ông U Bạc - Nhà rông                                                  | 70      |
| -          | Từ kè nhà rông - Đập Kon SRệt                                                   | 40      |
| <b>2.3</b> | <b>Đường vào làng Kon Skôi:</b>                                                 |         |
| -          | Từ nhà ông Nghĩa - Nhà bà Ngô Thị Danh                                          | 110     |
| -          | Kè nhà bà Ngô Thị Danh - Trường Tiểu học                                        | 60      |
| <b>2.4</b> | <b>Đường vào thôn 11</b>                                                        |         |

|            |                                                                                                                                               |     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| -          | Từ QL 24 - Cầu treo                                                                                                                           | 35  |
| <b>2.5</b> | <b>Đoạn từ QL 24 đi tỉnh lộ 677:</b>                                                                                                          |     |
| -          | Từ QL24 (50m) - Nhà ông Lê Văn Bông                                                                                                           | 135 |
| -          | Từ kê nhà ông Lê Văn Bông - Trường Mầm non                                                                                                    | 110 |
| -          | Từ kê Trường Mầm Non - Cầu Trần                                                                                                               | 90  |
| -          | Từ Công Trường PTTH Chu Văn An – Trung tâm dạy nghề                                                                                           | 60  |
| <b>3</b>   | <b>Xã Đăk Tô Re</b>                                                                                                                           |     |
| -          | Đoạn đường từ cầu 23 – Cầu thôn 6 giáp UBND xã cũ                                                                                             | 80  |
| -          | Từ kê cầu thôn 6 giáp UBND xã cũ – Cầu Kon Som Luh                                                                                            | 90  |
| -          | Từ kê cầu Kon Som Luh – Đường vào thôn 8 (Kon Đxing)                                                                                          | 70  |
| -          | Từ kê đường vào thôn 8 (Kon Đxing)- Biên giáp ranh thành phố Kon Tum và huyện Kon Rẫy                                                         | 60  |
| <b>4</b>   | <b>Xã Đăk Tô Lung</b>                                                                                                                         |     |
| -          | Từ giáp ranh xã Đăk Ruông – Đường bê tông đi làng Kon Lung thôn 7                                                                             | 80  |
| -          | Từ đường bê tông đi làng Kon Lung thôn 7 – ngã ba đường đất đi làng Kon Bì                                                                    | 60  |
| -          | Từ ngã ba đường đất đi làng Kon Bì - Cầu bê tông (giáp xã Đăk Kôi)                                                                            | 40  |
| <b>B</b>   | <b>Đất ở các khu vực khác tại nông thôn</b>                                                                                                   |     |
| <b>1</b>   | <b>Xã Tân Lập</b>                                                                                                                             |     |
| -          | Thôn 1                                                                                                                                        | 60  |
| -          | Thôn 2                                                                                                                                        | 55  |
| -          | Thôn 3                                                                                                                                        | 35  |
| -          | Tại thôn 4.                                                                                                                                   | 35  |
| -          | Gồm: Thôn 5 và thôn 6.                                                                                                                        | 30  |
| <b>2</b>   | <b>Xã Đăk Ruông</b>                                                                                                                           |     |
| -          | Gồm: Thôn 9, thôn 12.                                                                                                                         | 40  |
| -          | Gồm: Thôn 8, 10, 13                                                                                                                           | 30  |
| -          | Gồm: Thôn 11 và thôn 14.                                                                                                                      | 30  |
| <b>3</b>   | <b>Xã Đăk Tô Re</b>                                                                                                                           |     |
| -          | Gồm: Thôn 1, 2, 4, 7, 8, 9 và thôn 10.                                                                                                        | 30  |
| -          | Gồm: Thôn 3, 5, 6, 11 và thôn 12                                                                                                              | 30  |
| <b>4</b>   | <b>Xã Đăk Tô Lung</b>                                                                                                                         |     |
| -          | Gồm: Thôn 1, 2, 4, 7 và thôn 8.                                                                                                               | 25  |
| -          | Gồm: Thôn 3, 5, 6.                                                                                                                            | 20  |
| <b>5</b>   | <b>Xã Đăk PNe</b>                                                                                                                             |     |
| -          | Tại tất cả các thôn                                                                                                                           | 20  |
| <b>6</b>   | <b>Xã Đăk Kôi</b>                                                                                                                             |     |
| -          | Tại tất cả các thôn                                                                                                                           | 20  |
| <b>7</b>   | <b>Giá đất khu vực tái định cư thị trấn huyện lỵ Đăk Ruông - Tân Lập</b>                                                                      |     |
| -          | Đường qui hoạch khu trung tâm thị trấn huyện lỵ Đăk Ruông - Tân Lập song song với Quốc lộ 24 thuộc thôn 1, xã Tân Lập (Khu Quy hoạch N9, N10) | 260 |
| -          | Đường qui hoạch khu trung tâm thị trấn huyện lỵ Đăk Ruông - Tân Lập song song với Quốc lộ 24 thuộc thôn 1, xã Tân Lập (Khu Quy                | 280 |

|   |                                                                                                                                                              |     |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|   | hoạch N8)                                                                                                                                                    |     |
| - | Đường qui hoạch khu trung tâm thị trấn huyện lỵ Đăk Ruồng - Tân Lập song song với Quốc lộ 24 thuộc thôn 1, xã Tân Lập (Vị trí thuộc các đường nhánh còn lại) | 70  |
| - | Khu vực tái định cư thuộc vị trí Công ty Lâm viên cũ có các lô đất tái định cư nằm dọc với đường QL24                                                        | 440 |
| - | Khu vực tái định cư thuộc vị trí Công ty Lâm viên cũ có các lô đất tái định cư nằm ở những vị trí còn lại                                                    | 235 |

\* **Ghi chú:** Chiều sâu lô đất được tính bằng 50m, trên 50m được áp dụng giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn.

**C. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Giá đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng là: 20.000 đ/m<sup>2</sup>.

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 36.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

Ghi chú: Chiều sâu lô đất được tính bằng 50m, trên 50m được áp dụng giá đất ở các khu vực khác cùng vị trí.

**D. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn (trục đường QL 24):** Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở:

1. Từ khu vực tái định cư công viên Lâm Viên cũ đến cầu Kon Rẫy và từ cầu Kon Rẫy đến cây xăng Doanh nghiệp Thảo Nguyên: 14.000 đ/m<sup>2</sup>

2. Các khu vực còn lại: 12.000 đ/m<sup>2</sup>.

**E. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn (các khu vực còn lại):** Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 10.000 đ/m<sup>2</sup> (tại các khu vực khác ngoài khu vực đã quy định giá tại mục 5 ở trên (huyện Kon Rẫy).

## VIII. HUYỆN KON PLÔNG:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                   | Đơn giá |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Giá đất quy hoạch khu dân cư huyện Kon Plông</b>                                                                                     |         |
| <b>1</b>   | <b>Đường Quốc lộ 24:</b>                                                                                                                |         |
| -          | Đoạn từ Km 113+600 (Ngã 3 giao nhau đường số 9 trung tâm y tế) đến Km 114+650 (Ngã 3 đường vào thác Pa Sỹ, Hạt kiểm lâm huyện)          | 315     |
| -          | Đoạn từ Km 114+660 (Ngã 3 đường vào thác Pa Sỹ) đến Km 115+020 (cuối đất nhà biệt thự của Bà Trương Thị Định)                           | 315     |
| -          | Đoạn từ Km 115+500 (cuối đất nhà biệt thự của Bà Trương Thị Định) đến Km 116+040 (ngã 3 đường xuống khách sạn Đồi Thông)                | 315     |
| -          | Đoạn từ Km 116+050 (ngã 3 đường xuống khách sạn Đồi Thông) đến Km 117+040 (Khách sạn Hoa Hồng - Ngã 3 đường du lịch số 1)               | 315     |
| -          | Đoạn từ Km 117+050 (Khách sạn Hoa Hồng - Ngã 3 đường du lịch số 1) đến Km 118+650 (đầu đèo Măng Đen giáp huyện Kon Rẫy)                 | 315     |
| <b>2</b>   | <b>Đường Tỉnh lộ 676</b>                                                                                                                |         |
| -          | Đoạn từ QL 24 đến đường số 6                                                                                                            | 267     |
| -          | Đoạn từ đường số 6 đến ngã tư Nhà máy nước                                                                                              | 265     |
| -          | Đoạn từ ngã 4 Nhà máy nước đến đầu đường Bê tông đi xã Măng Cánh (Hết ranh giới đất Trung tâm Dạy nghề cơ sở 2)                         | 220     |
| <b>3</b>   | <b>Đường khu Trung tâm hành chính huyện</b>                                                                                             |         |
| -          | Đường số 1: Từ QL 24 đến đường số 10                                                                                                    | 280     |
| -          | Đường số 2: Từ QL 24 đến đường số 6                                                                                                     | 280     |
| -          | Đường số 3: Từ QL 24 đến đường số 6                                                                                                     | 280     |
| -          | Đường số 4: Từ TL 676 đến đường số 3                                                                                                    | 280     |
| -          | Đường số 5: Từ TL 676 đến đường số 9                                                                                                    | 280     |
| -          | Đường số 6: Từ TL 676 đến đường số 9                                                                                                    | 280     |
| -          | Đường số 7: Từ TL 676 đến đường số 9                                                                                                    | 280     |
| -          | Đường số 8: Từ TL 676 đến đường số 9                                                                                                    | 280     |
| -          | Đường số 8B: Từ TL 676 đến đường số 1                                                                                                   |         |
| -          | Đường số 9: Từ TL 676 đến Quốc lộ 24 (trung tâm y tế)                                                                                   | 280     |
| -          | Đường số 10: Từ tỉnh lộ 676 (tháp chuông) đến đường số 9                                                                                | 250     |
| -          | Đường số 11: Từ ngã ba đầu đường số 10 đến đường số 10                                                                                  | 250     |
| -          | Đường số 12: Từ ngã 3 đường số 11 đến đường số 10                                                                                       | 260     |
| <b>4</b>   | <b>Các đường khu dân cư khác:</b>                                                                                                       |         |
| <b>4.1</b> | <b>Các đường quy hoạch khu dân cư phía Bắc</b>                                                                                          |         |
| -          | Đoạn nối từ đường du lịch số 2 (sau nhà máy nước song song tỉnh lộ 676) đến đường số 10                                                 | 250     |
| -          | Đoạn từ sau trạm phát sóng tiếp giáp với Trường phổ thông Dân tộc Nội trú (song song tỉnh lộ 676)                                       | 250     |
| -          | Các đường quy hoạch khu dân cư còn lại (đối diện Trung tâm dạy nghề cơ sở 2) cùng một cấp địa hình bằng phẳng, không phân chia chi tiết | 250     |

|            |                                                                                                                      |     |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>4.2</b> | <b>Các đường khu dân cư phía Nam</b>                                                                                 |     |
| -          | Đường số 3: Đoạn từ quốc lộ 24 đến đường số 6                                                                        | 250 |
| -          | Đường số 2: Đoạn từ đường số 3 đến đường số 6                                                                        | 250 |
| -          | Đường số 4: Đoạn từ đường số 2 đến đường số 3                                                                        | 250 |
| -          | Đường số 5: Đoạn từ đường số 3 nối ra quốc lộ 24 tránh dự kiến                                                       | 250 |
| -          | Đường số 6: Đoạn từ đường số 2 đến đường đi vào nhà máy Thủy điện Đắk Pô Ne                                          | 250 |
| -          | Đường số 6: Đoạn từ đường số 2 đến Quốc lộ 24                                                                        | 230 |
| <b>4.3</b> | <b>Các đường quy hoạch khu dân cư phía Đông</b>                                                                      |     |
| -          | Đường số 13: Đoạn từ đường số 14 đến đường số 9                                                                      | 275 |
| -          | Đường số 14: Đoạn từ đường số 13 đến đường số 9                                                                      | 270 |
| -          | Đường số 15: Đoạn từ đường số 14 đến đường số 9                                                                      | 270 |
| -          | Các đường quy hoạch khu biệt thự phía Tây                                                                            | 275 |
| <b>4.4</b> | <b>Các tuyến đường Quy hoạch khu Trung tâm Thương mại và nhà ở mật độ cao</b>                                        |     |
| -          | Đoạn đối nối song song QL 24 từ Km 115+020 (Đoạn cuối Sân bay) đến Km 115+400                                        | 280 |
| -          | Đoạn từ đường đi vào thủy điện Đắk Pô Ne (giao nhau đường số 6 khu dân cư phía Nam) đến đoạn đối nối song song QL 24 | 280 |
| -          | Các đường Quy hoạch khu Trung tâm Thương mại còn lại                                                                 | 250 |
| <b>5</b>   | <b>Các đường du lịch</b>                                                                                             |     |
| -          | Đường du lịch số 2 (quanh hồ Trung tâm): Từ QL 24 đến TL 676                                                         | 185 |
| -          | Đường du lịch số 1: Từ TL 676 xuống hồ Đắk Ke và ra QL 24                                                            | 205 |
| -          | Đường từ thác Đắk Ke đi thác Pa Sỷ (Đoạn từ cầu dây văng đến ngã ba đi thác Pa Sỷ)                                   | 110 |
| <b>5.1</b> | <b>Đường vào thác Pa Sỷ</b>                                                                                          |     |
| -          | Từ ngã 3 QL 24 đến cầu Bê tông                                                                                       | 120 |
| -          | Đoạn từ cầu Bê tông đến hết ranh giới đất dự án của bà Chu Thị Loan                                                  | 150 |
| -          | Đoạn từ đất dự án của bà Chu Thị Loan đến thác Pa Sỷ                                                                 | 120 |
| -          | Đoạn từ thác Pa Sỷ đi làng Tu Răng                                                                                   | 110 |
| -          | Đường QL 24 đi thủy điện Đắk Pô Ne                                                                                   | 170 |
| -          | Các tuyến đường nhánh nối QL 24 đến đường du lịch số 1                                                               | 205 |
| -          | Các tuyến đường du lịch khác thuộc khu vực hồ Đắk Ke                                                                 | 170 |
| <b>B</b>   | <b>Đất Khu dân cư nông thôn</b>                                                                                      |     |
| <b>1</b>   | <b>Xã Măng Cành</b>                                                                                                  |     |
| -          | Đất khu dân cư dọc tỉnh lộ 676 từ cầu Kon Năng đến UBND xã Măng Cành.                                                | 90  |
| -          | Đất khu dân cư dọc tỉnh lộ 676 từ UBND xã đến ranh giới xã Đắk Tăng                                                  | 70  |
| -          | Đất khu dân cư khác                                                                                                  | 20  |
| <b>2</b>   | <b>Xã Đắk Long</b>                                                                                                   |     |
| -          | Đất khu dân cư dọc QL 24 đoạn từ Trung tâm y tế đến cầu Đắk Long                                                     | 100 |
| -          | Đất khu dân cư dọc QL 24 đoạn từ cầu Đắk Long đến ranh giới xã                                                       | 70  |

|           |                                                                                                          |     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|           | <b>Hiếu</b>                                                                                              |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc TL 676 (từ đầu đường bê tông đến ranh giới xã Măng Cành) Cầu Kon Năng                 | 100 |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 20  |
| <b>3</b>  | <b>Xã Hiếu</b>                                                                                           |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc QL 24                                                                                 | 70  |
| -         | Đường Trường Sơn Đông từ ranh giới huyện Kbang (Gia Lai) đến hết ranh giới xã Ngọc Tem – huyện Kon Plông | 50  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 20  |
| <b>4</b>  | <b>Xã Pờ Ê</b>                                                                                           |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc QL 24                                                                                 | 70  |
| -         | Đất trong vi quy hoạch trung tâm cụm xã                                                                  | 30  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 20  |
| -         | Đất khu dân cư QL24 đoạn từ UBND xã Pơ Ê đi về hai hướng cách UBND xã 1 km.                              | 100 |
| <b>.5</b> | <b>Xã Ngọc Tem</b>                                                                                       |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc đường Trường Sơn Đông đến trung tâm xã (từ thôn Măng Ri đến Trường THCS xã Ngọc Tem)  | 50  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 18  |
| -         | Đất trong phạm vi quy hoạch trung tâm cụm xã                                                             | 20  |
| <b>6</b>  | <b>Xã Đăk Rìng</b>                                                                                       |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc TL 676                                                                                | 70  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 18  |
| -         | Đất trong phạm vi quy hoạch trung tâm cụm xã                                                             | 20  |
| <b>7</b>  | <b>Xã Đăk Nê</b>                                                                                         |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc TL 676 (đoạn từ ranh giới xã Đăk Rìng đến trung tâm xã)                               | 70  |
| -         | Đất khu dân cư dọc tuyến đường đoạn từ trung tâm xã đến hết thôn Tu Thôn                                 | 20  |
| -         | Đất khu dân cư dọc tuyến đường đoạn từ trung tâm xã đến ranh giới xã Đăk Nê (giáp ranh tỉnh Quảng Ngãi)  | 20  |
| -         | Đất trong phạm vi quy hoạch trung tâm cụm xã                                                             | 30  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 18  |
| <b>8</b>  | <b>Xã Măng Bút</b>                                                                                       |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc đường vào trung tâm xã                                                                | 20  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 18  |
| -         | Đất trong phạm vi quy hoạch trung tâm cụm xã                                                             | 20  |
| <b>9</b>  | <b>Xã Đăk Tăng</b>                                                                                       |     |
| -         | Đất khu dân cư dọc TL 676                                                                                | 70  |
| -         | Đường đi xã Măng Bút (Từ TL 676 đến ranh giới xã Măng Bút)                                               | 20  |
| -         | Đất khu dân cư khác                                                                                      | 18  |
| -         | Đất trong phạm vi quy hoạch trung tâm cụm xã                                                             | 30  |
| <b>C</b>  | <b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác tại nông thôn</b>       |     |
| -         | Được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất                                                   |     |

|          |                                                                                                                                  |     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>D</b> | <b>Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn:</b>                                                                |     |
|          | Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở:                                                |     |
| -        | Tại xã Hiếu, Măng Cành, Đắk Long, Pờ Ê                                                                                           | 10  |
| -        | Tại xã Ngọc Tem, Đắk Ring, Đắk Nền, Măng Bút, Đắk Tăng                                                                           | 8   |
| <b>E</b> | <b>Bảng giá đất quy hoạch các khu du lịch</b>                                                                                    |     |
| -        | Đất quy hoạch khu hồ Toong Đam                                                                                                   | 40  |
| -        | Đất quy hoạch khu hồ Toong Zơ Ri                                                                                                 | 40  |
| -        | Đất quy hoạch hồ trung tâm                                                                                                       | 65  |
| -        | Đất quy hoạch hồ, thác Đắk Ke                                                                                                    | 65  |
| -        | Đất quy hoạch thác Pa Sĩ                                                                                                         | 40  |
| -        | Đất quy hoạch các khu du lịch khác                                                                                               | 30  |
| <b>F</b> | <b>Đất quy hoạch khu công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Măng Đen</b>                                                            | 100 |
| <b>G</b> | <b>Đất khu quy hoạch rau hoa xứ lạnh</b>                                                                                         | 50  |
| <b>H</b> | <b>Đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.</b> | 15  |
| <b>I</b> | <b>Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản.</b>                                                     | 34  |

## IX. HUYỆN TU MƠ RÔNG:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT        | Tên đơn vị hành chính                                                                 | Đơn giá |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Giá đất ven trục giao thông chính và giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn:</b> |         |
| <b>1</b>   | <b>Xã Đăk Hà</b>                                                                      |         |
| <b>1.1</b> | <b>Đọc theo tỉnh lộ 672:</b>                                                          |         |
| -          | Từ giáp ranh giới huyện Đăk Tô đến Phòng Giáo dục huyện Tu Mơ rông                    | 40      |
| -          | Từ Phòng Giáo dục huyện Tu Mơ rông đến UBND xã Đăk Hà                                 | 80      |
| -          | Từ UBND xã Đăk Hà đến cầu Đăk Xiêng                                                   | 80      |
| -          | Từ cầu Đăk Xiêng đến cầu Ngọc Leang                                                   | 30      |
| -          | Từ cầu Ngọc Leang đến giáp ranh xã Tu Mơ Rông                                         | 25      |
| -          | Các vị trí còn lại của khu vực xã Đăk Hà                                              | 25      |
| <b>1.2</b> | <b>Ba tuyến đường mới khu trung tâm hành chính huyện</b>                              |         |
| -          | Từ Trường THCS Đăk Hà đến ngã ba làng Mô Pả                                           | 50      |
| -          | Từ ngã ba làng Mô Pả đi làng Kon Tun                                                  | 50      |
| -          | Các vị trí còn lại trong khu QH trung tâm                                             | 50      |
| -          | Tuyến đường khu trung tâm hành chính                                                  | 70      |
| <b>2</b>   | <b>Xã Tu Mơ Rông</b>                                                                  |         |
| -          | Đọc theo tỉnh lộ 672                                                                  | 35      |
| -          | Các tuyến đường nội bộ trung tâm cụm xã                                               | 30      |
| -          | Các khu vực còn lại                                                                   | 25      |
| <b>3</b>   | <b>Xã Đăk Tô Kan</b>                                                                  |         |
|            | <b>Đọc theo tỉnh lộ 678</b>                                                           |         |
| -          | Từ cầu Đăk Tô Kan đến cầu Bê tông thôn Đăk Prông                                      | 40      |
| -          | Từ cầu Bê tông thôn Đăk Prông đến giáp xã Đăk Rơ Ông                                  | 35      |
| -          | Các khu vực còn lại                                                                   | 25      |
| <b>4</b>   | <b>Xã Đăk Rơ Ông</b>                                                                  |         |
|            | <b>Đọc theo tỉnh lộ 678</b>                                                           |         |
| -          | Từ giáp xã Đăk Tô Kan đến Kon Hia 1                                                   | 30      |
| -          | Từ Kon Hia 1 đến đèo Văn Loan                                                         | 25      |
| -          | Các khu vực còn lại                                                                   | 20      |
| <b>5</b>   | <b>Xã Đăk Sao</b>                                                                     |         |
| -          | Đọc theo tỉnh lộ 678                                                                  | 20      |
| -          | Đọc theo đường nội bộ trung tâm cụm xã                                                | 25      |
| -          | Các khu vực còn lại                                                                   | 15      |
| <b>6</b>   | <b>Xã Đăk Na</b>                                                                      |         |
| -          | Đọc tỉnh lộ 678 và trục đường chính                                                   | 20      |
| -          | Các khu vực còn lại                                                                   | 15      |
| <b>7</b>   | <b>Xã Tê Xăng</b>                                                                     |         |
|            | <b>Đọc theo tỉnh lộ 672:</b>                                                          |         |
| -          | Từ cầu Ngọc Lây đến cầu Đăk Psi                                                       | 20      |
| -          | Từ cầu Đăk Psi đến Trường tiểu học Làng Đăk Viên                                      | 25      |

|           |                                               |    |
|-----------|-----------------------------------------------|----|
| -         | Từ Trường tiểu học đến ranh giới Măng Ri      | 20 |
| -         | Dọc theo đường nội bộ trung tâm cụm xã        | 30 |
| -         | Các khu vực còn lại                           | 15 |
| -         | Đường liên thôn về làng cũ Tân Ba             | 20 |
| <b>8</b>  | <b>Xã Măng Ri</b>                             |    |
| -         | Dọc theo trục đường chính                     | 20 |
| -         | Các khu vực còn lại                           | 15 |
| <b>9</b>  | <b>Xã Văn Xuôi</b>                            |    |
| -         | Dọc theo trục đường chính                     | 20 |
| -         | Các khu vực còn lại                           | 15 |
| <b>10</b> | <b>Xã Ngọc Yêu</b>                            |    |
| -         | Dọc theo trục đường chính                     | 20 |
| -         | Các khu vực còn lại                           | 15 |
| <b>11</b> | <b>Xã Ngọc Lây</b>                            |    |
| -         | Ngã ba tỉnh lộ 672 đến ngã 5 xã Ngọc Lây      | 30 |
| -         | Từ ngã 5 xã Ngọc Lây đến hết UBND xã Ngọc Lây | 35 |
| -         | Từ UBND xã Ngọc Lây đến ranh giới xã Ngọc Lây | 30 |
| -         | Các khu vực còn lại                           | 15 |

\* **Ghi chú:** Chiều sâu lô đất được tính bằng 50m, trên 50m được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó

**B. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và các loại đất phi nông nghiệp khác:**

1. Giá đất sử dụng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 10.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Giá cho thuê đất mặt nước áp dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: 30.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Giá đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp khác được áp dụng bằng 80% giá đất ở tại vị trí sử dụng đất.

**C. Giá đất vườn ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn:** Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở: 8.000 đ/m<sup>2</sup>.